

**\* BẢO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH****TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSĐP QUÝ I NĂM 2019**

(Kèm theo Công văn số: 1029 /STC-KHNS ngày 10/4/2019 của Sở Tài chính)

**I. THU NGÂN SÁCH**

Tổng thu NSNN trên địa bàn 3 tháng đầu năm 2019 đạt: 5.354 tỷ 559 triệu đồng, đạt 36% dự toán năm, bằng 150% so với cùng kỳ năm trước. Ngân sách địa phương được hưởng 3.778 tỷ 334 triệu đồng.

**Trong đó:**

- Thu nội địa: 4.069 tỷ 291 triệu đồng, đạt 34% dự toán năm, bằng 135% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 1.260 tỷ 005 triệu đồng, đạt 45% dự toán năm, bằng 234% so với cùng kỳ năm trước.

*(Chi tiết theo biểu số 02)*

Các khoản thu đạt khá so với tiến độ dự toán:

+ Thu từ khu vực DNNN Địa phương: 53 tỷ đồng, đạt 45% dự toán năm, bằng 154% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu các đơn vị chuyển sang giá dịch vụ, một số đơn vị nộp nợ.

+ Thu từ khu vực DN Đầu tư nước ngoài: 1.311 tỷ đồng, đạt 32% dự toán năm, bằng 137% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty TNHH Ford Việt Nam tiêu thụ xe và nộp ngân sách đều tăng so với cùng kỳ năm trước.

+ Thuế thu nhập cá nhân: 271 tỷ đồng, đạt 35% dự toán năm, bằng 114% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu lệ phí trước bạ: 134 tỷ đồng, đạt 31% dự toán năm, bằng 120% so với cùng kỳ năm trước

+ Thu phí, lệ phí: 50 tỷ đồng, đạt 30% dự toán năm, bằng 110% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do tăng thu do thay đổi chính sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyển từ thuế môn bài sang nộp lệ phí môn bài.

+ Thu tiền sử dụng đất: 1.150 tỷ đồng, đạt 82% dự toán năm, bằng 238% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu thu cao do Dự án Ecoriver nộp 310

tỷ đồng tiền sử dụng đất vào NSNN, đồng thời các huyện tăng cường thực hiện đấu giá đất dân cư, đất dự án, đất đôi dư, xen kẹt.

+ Thu cấp tiền khai thác khoáng sản: 31 tỷ đồng, đạt 104% dự toán năm, bằng 127% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do các đơn vị nộp ngay tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khi có quyết định của Bộ Tài nguyên môi trường và UBND tỉnh. Đồng thời một số Công ty nộp nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

+ Thu hoa lợi công sản, thu khác tại xã: 6 tỷ đồng, đạt 33% so với dự toán năm, bằng 88% so với cùng kỳ năm trước.

- Một số khoản thu đạt thấp so với dự toán:

+ Thu từ khu vực DNNN Trung ương: 194 tỷ đồng, đạt 18% dự toán năm, bằng 112% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do các DN trọng điểm dự kiến phát sinh và nộp cao so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu từ khu vực DN Ngoài quốc doanh: 667 tỷ đồng, đạt 24% dự toán năm, chỉ bằng 91% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do số nộp ngân sách của Công ty Thép Hòa Phát đạt thấp so với cùng kỳ năm trước.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 4% dự toán, Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt 13% dự toán, Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia NN và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN đạt 0%; Thu thuế bảo vệ môi trường đạt 18% dự toán năm. Nguyên nhân các khoản thu trên đạt thấp so với dự toán là do những tháng đầu năm chưa đến thời gian nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

## II. CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2019: 3.037 tỷ 610 triệu đồng, đạt 25% dự toán năm, bằng 96% so với cùng kỳ năm trước.

*(Chi tiết theo biểu số 03)*

Trong đó:

1- Chi đầu tư phát triển: 743 tỷ 292 triệu đồng, đạt 34% dự toán năm, bằng 105% so với cùng kỳ năm trước. Chi đầu tư tăng cao chủ yếu là do chuyển nguồn số tạm ứng từ năm 2018 là 221 tỷ 524 triệu đồng, số dư dự toán đầu tư XD CB của các cấp ngân sách và chi từ số tăng thu tiền đất năm 2018 dành cho đầu tư.

2- Chi thường xuyên: ước đạt 2.104 tỷ 076 triệu đồng, đạt 24% dự toán năm, bằng 91% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế: 240 tỷ đồng đạt 29% dự toán năm, bằng 80% so với cùng kỳ năm trước (trong đó cấp kinh phí miễn thủy lợi phí cho nông

dân và các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp qua Công ty Khai thác công trình thủy lợi: 152,6 tỷ đồng đạt 54% dự toán năm).

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 887 tỷ đồng, đạt 24% dự toán năm, bằng 102% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp y tế: 154 tỷ đồng, đạt 15% dự toán năm, bằng 55% so với cùng kỳ năm trước (trong đó chi hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho cựu chiến binh, người tham gia kháng chiến, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi là 82 tỷ đồng).

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 11 tỷ đồng, đạt 28% dự toán. Nguyên nhân chi sự nghiệp khoa học công nghệ đạt cao so với dự toán là do đầu năm tạm cấp kinh phí theo hợp đồng với chủ nhiệm đề tài và theo tiến độ thực hiện đề tài khoa học công nghệ.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 175 tỷ đồng đạt 26% dự toán năm, bằng 99% so với cùng kỳ năm trước (trong đó các khoản chi như quà Tết cho các gia đình chính sách là 37,8 tỷ đồng).

3- Các chương trình mục tiêu TW bổ sung cho ngân sách địa phương: 116 tỷ 706 triệu đồng, đạt 15% so với dự toán năm chủ yếu là thanh toán vốn cho các dự án đầu tư ngân sách Trung ương hỗ trợ và các chương trình trung ương bổ sung cho địa phương.

Nhìn chung, trong 3 tháng đầu năm, Sở Tài chính đã chủ động trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ các hoạt động của các ngành, các cấp trong toàn tỉnh, các cơ quan đơn vị dự toán. Tuy những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn về cân đối dòng tiền mặt để chi trả nhưng thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh điều hòa các nguồn vốn ngân sách địa phương để dành nguồn đảm bảo cân đối cho ngân sách các cấp và ưu tiên nguồn cho chi thường xuyên, các chế độ an sinh xã hội, đáp ứng đầy đủ được các khoản chi thường xuyên đảm bảo cho hoạt động của địa phương như chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ; đảm bảo chi trợ cấp, chi quà Tết Nguyên đán cho các đối tượng chính sách xã hội; chi các chế độ an sinh xã hội và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2019, Sở Tài chính tỉnh Hải Dương trân trọng báo cáo./



**BÁO CÁO CÔNG KHAI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019**(Kèm theo Công văn số: ~~1029~~ /STC-KHNS ngày 10/4/2019 của Sở Tài chính Hải Dương)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>14.882.000</b>	<b>7.176.029</b>	<b>48%</b>	<b>131%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>14.882.000</b>	<b>5.354.559</b>	<b>36%</b>	<b>150%</b>
1	Thu nội địa	12.062.000	4.069.291	34%	135%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động XNK	2.820.000	1.260.005	45%	234%
4	Thu viện trợ		25.263		132%
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>1.821.470</b>		<b>96%</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.983.368</b>	<b>3.037.610</b>	<b>25%</b>	<b>96%</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>11.221.602</b>	<b>2.920.905</b>	<b>26%</b>	<b>93%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.181.809	743.292	34%	105%
2	Chi thường xuyên	8.812.886	2.104.076	24%	91%
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	800	0		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.230			
5	Dự phòng ngân sách	224.877			
6	Chi tạm ứng		73.537		
7	Chi nguồn CCTL	0	0		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>761.766</b>	<b>116.706</b>	<b>15%</b>	
<b>C</b>	<b>BỘI THU NS</b>	<b>22.100</b>	<b>0</b>		
1	Mức vay Quốc hội đồng ý	31.000	0		
2	Mức trả nợ gốc	53.100	0		

## BÁO CÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số: 1029 /STC-KHNS ngày 10/4/2019 của Sở Tài chính Hải Dương)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH TH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>14.882.000</b>	<b>5.354.559</b>	<b>36%</b>	<b>150%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>12.062.000</b>	<b>4.069.291</b>	<b>34%</b>	<b>135%</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	1.230.000	248.435	20%	119%
2	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN	4.160.000	1.311.422	32%	137%
3	Thu từ khu vực kinh tế NQD	2.750.000	667.694	24%	91%
4	Thuế thu nhập cá nhân	770.000	271.274	35%	114%
5	Thuế bảo vệ môi trường	590.000	106.988	18%	116%
6	Lệ phí trước bạ	435.000	134.256	31%	120%
7	Thu phí, lệ phí	170.000	50.889	30%	110%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.708.000	1.188.156	70%	219%
	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	0	48		
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	28.000	1.148	4%	101%
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.400.000	1.150.256	82%	238%
	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	280.000	36.704	13%	64%
	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN</i>	0			
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	31.057	104%	127%
10	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia của NN và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN	11.000	0		
11	Thu từ hoạt động XSKT	40.000	9.774	24%	102%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	18.000	6.006	33%	88%
13	Thu khác ngân sách	150.000	43.340	29%	103%
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động XNK</b>	<b>2.820.000</b>	<b>1.260.005</b>	<b>45%</b>	<b>234%</b>
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.750.000	923.981	53%	
2	Thuế xuất khẩu	6.000	1.530	26%	
3	Thuế nhập khẩu	982.000	188.181	19%	
4	Thuế TTĐB từ hàng hóa nhập khẩu	75.000	139.424	186%	
5	Thuế BVMT từ hàng hóa nhập khẩu	7.000	3.142	45%	
6	Thuế khác	0	3.747		
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ, huy động đóng góp</b>	<b>0</b>	<b>25.263</b>		<b>132%</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>11.158.857</b>	<b>3.778.334</b>	<b>34%</b>	
1	Từ các khoản thu phân chia	8.957.857	2.440.142	27%	
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.201.000	1.338.192	61%	

## BÁO CÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số: 1029 /STC-KHNS ngày 10/04/2019 của Sở Tài chính Hải Dương)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH TH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.983.368</b>	<b>3.037.610</b>	<b>25%</b>	<b>96%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>11.221.602</b>	<b>2.920.905</b>	<b>26%</b>	<b>93%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.181.809</b>	<b>743.292</b>	<b>34%</b>	<b>105%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.141.809	739.276	35%	106%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN cung cấp sản phẩm, DV công ích do NN đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	40.000	4.016	10%	
4	Chi trả vốn vay tồn ngân KBNN	0	0		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.812.886</b>	<b>2.104.076</b>	<b>24%</b>	<b>91%</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.695.103	887.254	24%	102%
2	Chi khoa học và công nghệ	41.130	11.486	28%	99%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.001.405	154.989	15%	55%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	149.009	31.156	21%	171%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	65.093	14.075	22%	97%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp môi trường và KTTC	428.732	55.700	13%	78%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	826.316	240.069	29%	80%
9	Chi quản lý hành chính	1.676.384	442.856	26%	99%
10	Chi đảm bảo xã hội	674.386	175.103	26%	99%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>800</b>	<b>0</b>		
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.230</b>	<b>0</b>		
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>224.877</b>	<b>0</b>		
<b>VI</b>	<b>Chi tạm ứng</b>	<b>0</b>	<b>73.537</b>		
<b>VII</b>	<b>Chi nguồn CCTL</b>				
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>761.766</b>	<b>116.706</b>	<b>15%</b>	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	258.800	1.468	1%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	302.658	82.908	27%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách KP thường xuyên	200.308	32.330	16%	

